TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023

Phụ lục 14

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2023
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (7760101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1491 /QĐ-HĐTSĐH2023 ngày 29/8/2023 của Chủ tịch HĐTSĐH2023 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
1	037305005711	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/05/2005	Nữ	100		2NT	C00	25.75	26.03	NV9	G2852
2	035305005370	TRẦN THU HẰNG	24/11/2005	Nữ	100		2NT	C00	25.75	26.03	NV2	G2853
3	001205026253	NGUYỄN MINH THÀNH	19/05/2005	Nam	200	01	2	D01	24.22	25.95	NV1	G2854
4	038305030318	ĐỖ THỊ HÀ THƯ	20/09/2005	Nữ	100		2NT	C00	25.5	25.8	NV5	G2855
5	038305008106	PHẠM THỊ THỦY	12/04/2005	Nữ	100		2NT	C00	25.5	25.8	NV2	G2856
6	025305000704	TRẦN THỊ THANH TÂM	03/02/2005	Nữ	100	01	1	C00	23.25	25.73	NV1	G2857
7	001205000930	NGUYỄN TRÍ HÙNG	14/02/2005	Nam	200		3	C00	25.72	25.72	NV8	G2858
8	017305000035	TRẦN MINH NGỌC	02/05/2005	Nữ	200		3	A00	25.72	25.72	NV2	G2859
9	036305006816	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	08/06/2005	Nữ	200		2	C00	25.38	25.53	NV1	G2860
10	015304000838	BÀN THỊ LƯU	17/08/2004	Nữ	200	01	1	C00	22.86	25.48	NV5	G2861
11	017205001839	BÙI CHIẾU XUÂN	12/01/2005	Nam	100	01	1	C00	22.75	25.41	NV2	G2862
12	040305004131	NGÔ NGUYỄN THÙY DUNG	07/09/2005	Nữ	200		2	C00	25.18	25.34	NV2	G2863
13	001305016867	NGUYỄN THU HÀ	08/05/2005	Nữ	200		3	C00	25.32	25.32	NV11	G2864
14	011205001687	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2005	Nam	100		1	C00	24.75	25.28	NV8	G2865
15	027305002043	NGUYỄN THỊ THẢO MY	12/09/2005	Nữ	100		2	C00	25	25.17	NV4	G2866
16	034305001719	NGUYỄN THỊ THU THỦY	04/05/2005	Nữ	200		2NT	C00	24.8	25.15	NV1	G2867
17	011305000659	HOÀNG THỊ DIỆU LINH	28/04/2005	Nữ	200		1	C00	24.96	25.13	NV7	G2868
18	042305000375	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/05/2005	Nữ	100		2NT	C00	24.75	25.1	NV1	G2869
19	001305009413	TRẦN TUYẾT NGÂN	10/01/2005	Nữ	200		2	C00	24.88	25.05	NV1	G2870

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
20	025303003975	TRẦN THỊ HOA	29/12/2003	Nữ	200		1	C00	24.44	25	NV1	G2871
21	025305001263	TRẦN NGỌC LY	03/06/2005	Nữ	200		2	C00	24.8	24.97	NV4	G2872
22	038305007810	MAI PHƯƠNG HUYỀN	03/02/2005	Nữ	200		2NT	D01	24.58	24.94	NV1	G2873
23	001305037252	PHẠM THU TRANG	26/09/2005	Nữ	200		2	C00	24.7	24.88	NV3	G2874
24	017304008396	LÊ MINH PHƯƠNG	20/07/2004	Nữ	200		1	C00	24.3	24.87	NV4	G2875
25	001305027362	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	13/07/2005	Nữ	200		2	C00	24.64	24.82	NV5	G2876
26	001305001286	PHẠM HƯƠNG GIANG	08/01/2005	Nữ	200		3	C00	24.76	24.76	NV4	G2877
27	014204002405	LƯỜNG QUỐC KHÁNH	02/09/2004	Nam	100	01	1	C00	22	24.75	NV4	G2878
28	034305001134	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	21/01/2005	Nữ	200		2	C00	24.52	24.7	NV5	G2879
29	001305013767	TRIỆU HUYỀN PHƯƠNG	11/07/2005	Nữ	200		3	C00	24.68	24.68	NV1	G2880
30	027305011096	NGUYỄN THỊ HẢI	09/11/2005	Nữ	100		2NT	C00	24.25	24.63	NV5	G2881
31	040305013715	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	08/03/2005	Nữ	200		2NT	C00	24.16	24.55	NV6	G2882
32	001305046100	ĐÀO THỊ DIỆU LINH	08/11/2005	Nữ	200		2	C00	24.28	24.47	NV2	G2883
33	001204033540	NGUYỄN VIỆT ANH	14/06/2004	Nam	200		3	A00	24.46	24.46	NV2	G2884
34	001204028948	NGUYỄN HOÀNG GIANG	27/07/2004	Nam	200		2	C00	24.22	24.41	NV5	G2885
35	030305002875	NGUYỄN THỊ KIM OANH	23/02/2005	Nữ	100		2NT	C00	24	24.4	NV1	G2886
36	025304003872	ĐỖ THÚY THANH	21/09/2004	Nữ	100		1	C00	23.75	24.38	NV7	G2887
37	001305027183	NGUYỄN CHÂM OANH	20/01/2005	Nữ	200		3	C00	24.38	24.38	NV2	G2888
38	001305004954	NGUYỄN NGỌC LINH	14/03/2005	Nữ	100		3	C00	24.25	24.25	NV3	G2889
39	060305014337	NGUYỄN THỊ BÍCH HẬU	05/06/2005	Nữ	200		2NT	C00	23.84	24.25	NV2	G2890
40	022305010693	ĐINH THỊ MINH BÍCH	19/01/2005	Nữ	100		2	C00	24	24.2	NV6	G2891
41	001305018365	NGUYỄN HIỀN MINH	01/03/2005	Nữ	200		3	C00	24.2	24.2	NV4	G2892
42	079305005208	NGUYỄN BÍCH NGỌC	20/08/2005	Nữ	200		3	A00	24.16	24.16	NV7	G2893
43	001205012710	NGUYỄN QUANG KHẢI	27/09/2005	Nam	200		3	C00	24.08	24.08	NV5	G2894
44	001305052859	NGUYỄN BẢO YẾN	19/12/2005	Nữ	200		2	C00	23.86	24.07	NV5	G2895
45	026205001288	PHẠM DƯƠNG ĐỨC	26/10/2005	Nam	200		3	C00	24.06	24.06	NV2	G2896
46	001205010495	DƯƠNG TIẾN THÀNH	03/03/2005	Nam	200		3	C00	24	24	NV20	G2897

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KV ƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
47	006305003887	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	10/12/2005	Nữ	100	01	1	C00	21.25	24	NV1	G2898
48	002205000448	VƯƠNG TRUNG KIÊN	01/01/2005	Nam	100	01	1	C00	21.25	24	NV3	G2899
49	034305001135	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	05/10/2005	Nữ	200		2	A00	23.78	23.99	NV6	G2900
50	001205003342	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	03/02/2005	Nam	200		3	C00	23.98	23.98	NV1	G2901
51	001305009843	TRẦN PHƯƠNG THẢO	26/12/2005	Nữ	200		3	A00	23.98	23.98	NV2	G2902
52	001305055066	KIỀU KHÁNH CHINH	02/09/2005	Nữ	200		2	C00	23.76	23.97	NV4	G2903
53	001205026598	NGUYỄN ANH TUẤN	12/03/2005	Nam	200		2	C00	23.74	23.95	NV4	G2904
54	001305030412	NGUYỄN MINH NGUYỆT	03/03/2005	Nữ	200		2	C00	23.74	23.95	NV5	G2905
55	015205001776	VŨ QUỐC THÁI	15/06/2005	Nam	100		2NT	C00	23.5	23.93	NV1	G2906
56	034305005176	NGUYỄN THÚY HIỀN	21/04/2005	Nữ	200		2NT	C00	23.48	23.92	NV5	G2907
57	022305007955	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	14/08/2005	Nữ	200		2	C00	23.68	23.89	NV2	G2908
58	001305019614	CAO THỊ HÀ CHI	10/02/2005	Nữ	200		3	A00	23.88	23.88	NV5	G2909
59	001305005040	LƯU LIÊN PHƯƠNG	25/01/2005	Nữ	200		3	C00	23.86	23.86	NV3	G2910
60	006205004945	ĐINH LÂM TUẤN	19/03/2005	Nam	200	01	1	C00	21.1	23.85	NV3	G2911
61	001305030446	NGUYỄN THÙY TRANG	13/11/2005	Nữ	100		2	D01	23.55	23.77	NV3	G2912
62	037303005973	TRẦN LINH ANH	11/09/2003	Nữ	100			C00	23.75	23.75	NV1	G2913
63	022305000412	HÀ THỊ THU THẢO	23/08/2005	Nữ	200		2	C00	23.52	23.74	NV2	G2914
64	001205016066	BÙI THANH TÙNG	31/03/2005	Nam	200		3	C00	23.72	23.72	NV3	G2915
65	024305005526	NGUYỄN THUỲ LINH	01/01/2005	Nữ	100		2	C00	23.5	23.72	NV5	G2916
66	026205013161	TRỊNH HOÀNG ANH	26/12/2005	Nam	100		2	C00	23.5	23.72	NV1	G2917
67	019305005428	ĐỒNG THỊ ÁNH	12/02/2005	Nữ	100		2NT	C00	23.25	23.7	NV2	G2918
68	037205005329	MAI TUẤN ANH	07/06/2005	Nam	100		2NT	C00	23.25	23.7	NV6	G2919
69	040205013588	NGUYỄN ĐÌNH TÚ TÀI	05/09/2005	Nam	100		2NT	C00	23.25	23.7	NV2	G2920
70	036305015182	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	16/12/2005	Nữ	100		2NT	C00	23.25	23.7	NV2	G2921
71	034305004036	NGUYỄN THÙY LINH	07/09/2005	Nữ	200		2	C00	23.48	23.7	NV2	G2922
72	006205003979	LƯỜNG VĂN TRẦN	20/10/2005	Nam	200	01	1	C00	20.94	23.69	NV1	G2923
73	001302002380	NGUYỄN KHÁNH VY	08/08/2002	Nữ	200			C00	23.68	23.68	NV1	G2924

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KV ƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
74	038305019036	VŨ THỊ NHUNG	19/06/2005	Nữ	200		2	C00	23.44	23.66	NV4	G2925
75	034305013262	LÊ THỊ YẾN	06/11/2005	Nữ	200		2NT	C00	23.18	23.64	NV2	G2926
76	001205005928	PHAN TRUNG THÀNH	11/07/2005	Nam	200		3	C00	23.64	23.64	NV7	G2927
77	001305018950	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	19/08/2005	Nữ	200		2	C00	23.4	23.62	NV1	G2928
78	001305034035	BÙI THỊ NGỌC TUYẾT	15/05/2005	Nữ	200		2	A00	23.38	23.6	NV8	G2929
79	022305008016	NGUYỄN ĐỖ HOÀI ANH	01/03/2005	Nữ	200		2	C00	23.38	23.6	NV2	G2930
80	015205007077	NGUYỄN MINH ĐỨC	17/09/2005	Nam	200		2NT	C00	23.1	23.56	NV4	G2931
81	034304010863	LƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	09/07/2004	Nữ	200		2NT	C00	23.08	23.54	NV5	G2932
82	001305010287	BÙI MINH HUYỀN	03/05/2005	Nữ	200		3	C00	23.52	23.52	NV2	G2933
83	024305009088	DƯƠNG THU HỒNG	08/02/2005	Nữ	200		2NT	C00	23.06	23.52	NV4	G2934
84	027305000548	CAO THỊ PHƯƠNG NGỌC	29/11/2005	Nữ	200		2NT	C00	23.04	23.5	NV3	G2935
85	014305000044	HOÀNG LINH CHI	07/01/2005	Nữ	200		1	C00	22.78	23.5	NV1	G2936
86	031305012386	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	08/08/2005	Nữ	100		3	C00	23.5	23.5	NV9	G2937
87	015304007732	ĐINH PHƯƠNG ANH	04/03/2004	Nữ	200		1	C00	22.76	23.48	NV1	G2938
88	024305010529	LÊ THỊ THANH LAM	28/01/2005	Nữ	100		2	C00	23.25	23.48	NV2	G2939
89	001305015012	NGUYỄN HUYỀN TRANG	30/04/2005	Nữ	100		2	C00	23.25	23.48	NV14	G2940
90	001305023916	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	19/10/2005	Nữ	100		2	C00	23.25	23.48	NV16	G2941
91	015305001305	TRẦN THU MINH	19/01/2005	Nữ	100		2	C00	23.25	23.48	NV7	G2942
92	036205018150	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	09/07/2005	Nam	100		2NT	C00	23	23.47	NV2	G2943
93	038305016137	PHẠM THỊ THỦY	13/07/2005	Nữ	100		2NT	C00	23	23.47	NV1	G2944
94	015305000730	PHẠM THÙY DƯƠNG	23/06/2005	Nữ	200		2NT	C00	23	23.47	NV8	G2945
95	001205041331	NGUYỄN DUY QUANG	02/10/2005	Nam	200		3	C00	23.44	23.44	NV2	G2946
96	034305005003	LẠI THỊ HẢI VÂN	05/04/2005	Nữ	200		2NT	C00	22.96	23.43	NV4	G2947
97	017205003155	QUÁCH TẤT DƯƠNG	25/04/2005	Nam	200		1	A00	22.68	23.41	NV2	G2948
98	001305041997	NGUYỄN NGỌC LINH	07/06/2005	Nữ	200		3	C00	23.38	23.38	NV1	G2949
99	022305004813	ĐÀO KHÁNH HUYỀN	18/06/2005	Nữ	200		2	D01	23.14	23.37	NV3	G2950
100	001305015149	NGÔ THÙY DUNG	19/11/2005	Nữ	200		3	C00	23.36	23.36	NV7	G2951

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KV ƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
101	001205003874	VŨ HUY HOÀNG	20/06/2005	Nam	200		3	A00	23.36	23.36	NV3	G2952
102	001305036749	CHU THỊ THƠM	19/01/2005	Nữ	200		2	C00	23.12	23.35	NV1	G2953
103	001305054667	ĐINH NGỌC KHÁNH LINH	06/08/2005	Nữ	200		2	C00	23.06	23.29	NV3	G2954
104	001305000693	LỒ NGỌC DIỆP	04/01/2005	Nữ	100	06	3	C00	22.25	23.25	NV2	G2955
105	015305009330	PHẠM KHÁNH LINH	04/09/2005	Nữ	100	06	2NT	C00	21.75	23.25	NV9	G2956
106	001205026837	NGÔ ĐỨC HIẾU	23/11/2005	Nam	200		3	C00	23.24	23.24	NV8	G2957
107	034305006766	CAO THỊ NGỌC NHƯ	01/05/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.75	23.23	NV10	G2958
108	040305024238	MAI THỊ KHÁNH HUYỀN	13/11/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.75	23.23	NV6	G2959
109	025205000652	PHAN TIẾN ĐẠT	09/09/2005	Nam	100		2	C00	23	23.23	NV4	G2960
110	070305005466	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH AN	26/11/2005	Nữ	200		2	C00	22.96	23.2	NV13	G2961
111	006305000050	LÂM QUỲNH PHƯƠNG	06/08/2005	Nữ	200	01	1	C00	20.44	23.19	NV2	G2962
112	001305009795	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	18/03/2005	Nữ	200		3	C00	23.18	23.18	NV2	G2963
113	001305015480	PHẠM KHÁNH LÊ	13/06/2005	Nữ	200		3	A00	23.18	23.18	NV8	G2964
114	004205004203	LƯƠNG THẾ MẠNH	20/11/2005	Nam	200	01	1	A01	20.42	23.17	NV3	G2965
115	024305013991	NGUYỄN THU TRANG	22/08/2005	Nữ	100		2NT	D01	22.6	23.09	NV6	G2966
116	024305009783	ĐỖ KIM DUNG	30/04/2005	Nữ	100		3	D01	23.05	23.05	NV4	G2967
117	014205003220	ĐẶNG BÁ TUẤN HƯNG	14/08/2005	Nam	100		1	C00	22.25	23	NV3	G2968
118	036305005134	HÀ THỊ THÙY LINH	24/02/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.5	23	NV10	G2969
119	031205003776	LÊ ĐỨC MẠNH	06/02/2005	Nam	100	06	3	C00	22	23	NV7	G2970
120	035205004290	LÊ VĂN TIẾN	15/04/2005	Nam	100		2NT	C00	22.5	23	NV4	G2971
121	031305006801	NGUYỄN BẢO YẾN	17/05/2005	Nữ	100		3	C00	23	23	NV4	G2972
122	026205003459	NGUYỄN VĂN VIỆT	25/12/2005	Nam	100		2NT	C00	22.5	23	NV2	G2973
123	025305003615	NGUYỄN XUÂN NGÂN	22/02/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.5	23	NV3	G2974
124	038205025775	PHẠM VĂN LÊ	31/05/2005	Nam	100		2NT	C00	22.5	23	NV5	G2975
125	040305023744	TRẦN HOÀNG Ý NHI	10/11/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.5	23	NV2	G2976
126	001305026731	ĐỖ TUYẾT LAN	23/08/2005	Nữ	100		2	C00	22.75	22.99	NV3	G2977
127	001205006606	VŨ TRUNG KIÊN	13/09/2005	Nam	100		2	C00	22.75	22.99	NV3	G2978

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KV ƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
128	017205009107	BÙI ANH TUẤN	16/11/2005	Nam	100	01	1	C00	20	22.75	NV5	G2979
129	020205001397	DƯƠNG ANH HUY	16/10/2005	Nam	100	01	1	C00	20	22.75	NV4	G2980
130	001205006813	HOÀNG NGUYỄN PHÚC AN	11/03/2005	Nam	100	06	2	C00	21.5	22.75	NV1	G2981
131	035305005469	LÊ HƯƠNG GIANG	20/07/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV5	G2982
132	015205004358	MAI XUÂN CƯỜNG	22/09/2005	Nam	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV2	G2983
133	231205000024	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	17/06/2005	Nam	100		3	C00	22.75	22.75	NV3	G2984
134	001205026815	NGUYỄN ĐỨC HUY	30/08/2005	Nam	100		2	C00	22.5	22.75	NV3	G2985
135	036305017109	NGUYỄN HỒNG NHUNG	04/06/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV3	G2986
136	001305004063	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HUYỀN	18/09/2005	Nữ	100		3	C00	22.75	22.75	NV10	G2987
137	035305000556	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	28/10/2005	Nữ	100		2	C00	22.5	22.75	NV1	G2988
138	027305010950	NGUYỄN THỊ THU TRÀ	17/11/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV5	G2989
139	035303009985	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	25/12/2003	Nữ	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV3	G2990
140	034305004105	TRƯƠNG HÀ VY	14/07/2005	Nữ	100		2NT	C00	22.25	22.75	NV1	G2991
141	038305013044	NGUYỄN THỊ THU TRANG	04/09/2005	Nữ	100		2	A00	22.45	22.7	NV6	G2992
142	022305009901	LẠI THỊ THANH HUYỀN	06/09/2005	Nữ	100		2	D01	22.4	22.65	NV3	G2993
143	001205027481	TRẦN MINH NGHĨA	01/09/2005	Nam	100		3	D01	22.65	22.65	NV2	G2994
144	033304006462	CAO KỲ DUYÊN	13/01/2004	Nữ	100		2	D01	22.25	22.5	NV12	G2995
145	014305004712	ĐÀO NHẬT MINH	26/04/2005	Nữ	100		1	C00	21.75	22.5	NV4	G2996
146	017205007197	LÊ NGỌC DŨNG	17/09/2005	Nam	100		1	C00	21.75	22.5	NV3	G2997
147	020304001430	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	15/09/2004	Nữ	100		1	C00	21.75	22.5	NV18	G2998
148	020305000852	VŨ HÀ VY	11/12/2005	Nữ	100		1	C00	21.75	22.5	NV2	G2999
149	008305001349	MA THỊ MINH TRANG	10/09/2005	Nữ	100	01	2	D01	20.15	22.4	NV4	G3000
150	001305054622	VŨ THỊ LÝ	01/08/2005	Nữ	100		2	D01	22.15	22.4	NV4	G3001
151	020305000616	LÃ MINH NGUYỆT	09/01/2005	Nữ	100	01	1	D01	19.6	22.35	NV2	G3002
152	001305010018	NGUYỄN MINH NGỌC ÁNH	20/11/2005	Nữ	100		3	D01	22.35	22.35	NV2	G3003
153	001305008593	PHẠM NGỌC THANH VÂN	05/07/2005	Nữ	100		2	D01	22.1	22.35	NV5	G3004
154	001305024262	ĐỖ PHƯƠNG ANH	15/09/2005	Nữ	100		2	D01	22.05	22.3	NV5	G3005

STT	CMND	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	PTXT	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT	Mã GBTT
155	025304008064	LÊ THỊ KHÁNH VÂN	14/10/2004	Nữ	100		2	C00	22	22.25	NV4	G3006
156	010305003569	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NHI	08/11/2005	Nữ	100	06	2	C00	21	22.25	NV3	G3007
157	001305000753	NGUYỄN HƯƠNG LY	07/03/2005	Nữ	100		3	D01	22.25	22.25	NV3	G3008
158	037305004309	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	09/09/2005	Nữ	100		2	C00	22	22.25	NV4	G3009
159	027305003383	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	07/04/2005	Nữ	100		2NT	C00	21.75	22.25	NV1	G3010
160	027305010298	TRẦN HÂN HÂN	17/07/2005	Nữ	100		2	C00	22	22.25	NV5	G3011
161	036305012864	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG LINH	19/03/2005	Nữ	100		2	C00	22	22.25	NV6	G3012

Danh sách này có 161 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TS. Hà Xuân Hùng